KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,170 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.7%	4.3%	-

DT thuần — *2024*: 1,224 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 336 ▼ 21.5%

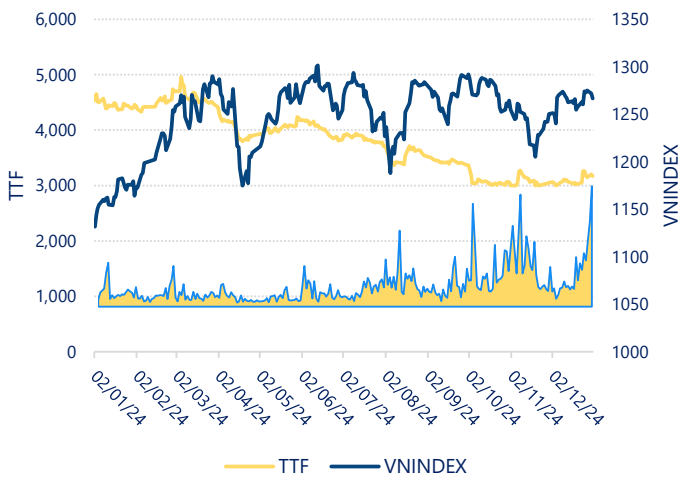
LN gộp — *2024*: 140 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 113 ▼ 44.6%

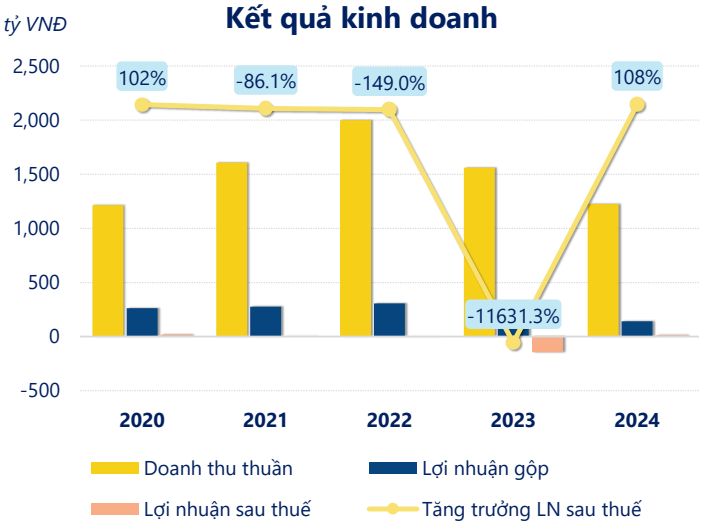
LN thuần — *2024*: 2.49 *tỷ VNĐ*; YoY ▲ 43.9 ▲ 106%

LN sau thuế — *2024*: 11.4 *tỷ VNĐ*; YoY ▲ 155 ▲ 108%

ROE — 2024: 3.7%; +/- YoY ▲ 41.9%

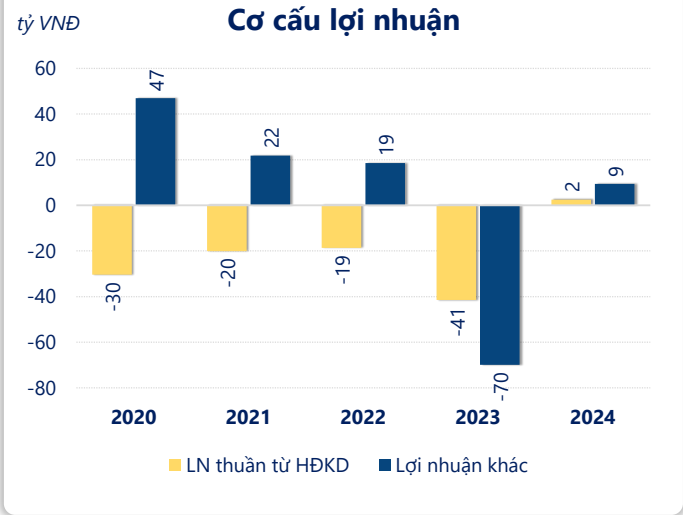
ROA — 2024: 0.4%; +/- YoY ▲ 5.0%

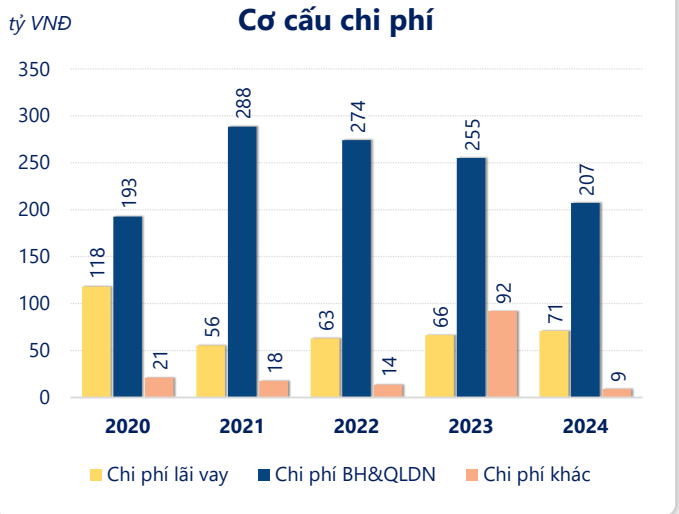




Năm **2024**, **TTF** ghi nhận doanh thu thuần **1,224** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **11.36** tỷ đồng, lần lượt **giảm 21.5%** và **tăng 108%** so với năm trước.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

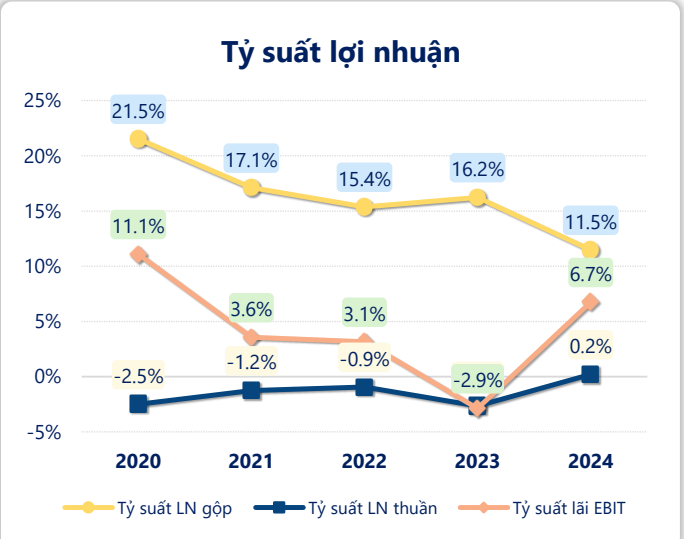


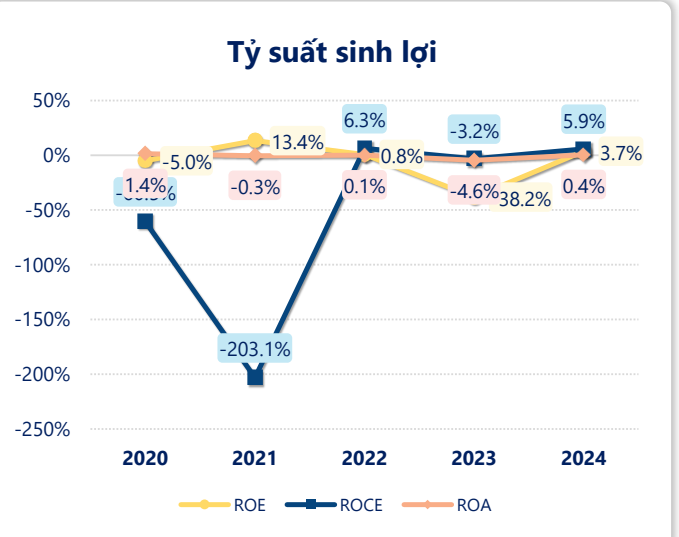


Năm **2024**, **TTF** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **2.49** tỷ đồng, **tăng lên 43.92** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (-21.61 tỷ đồng) là 24.10 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

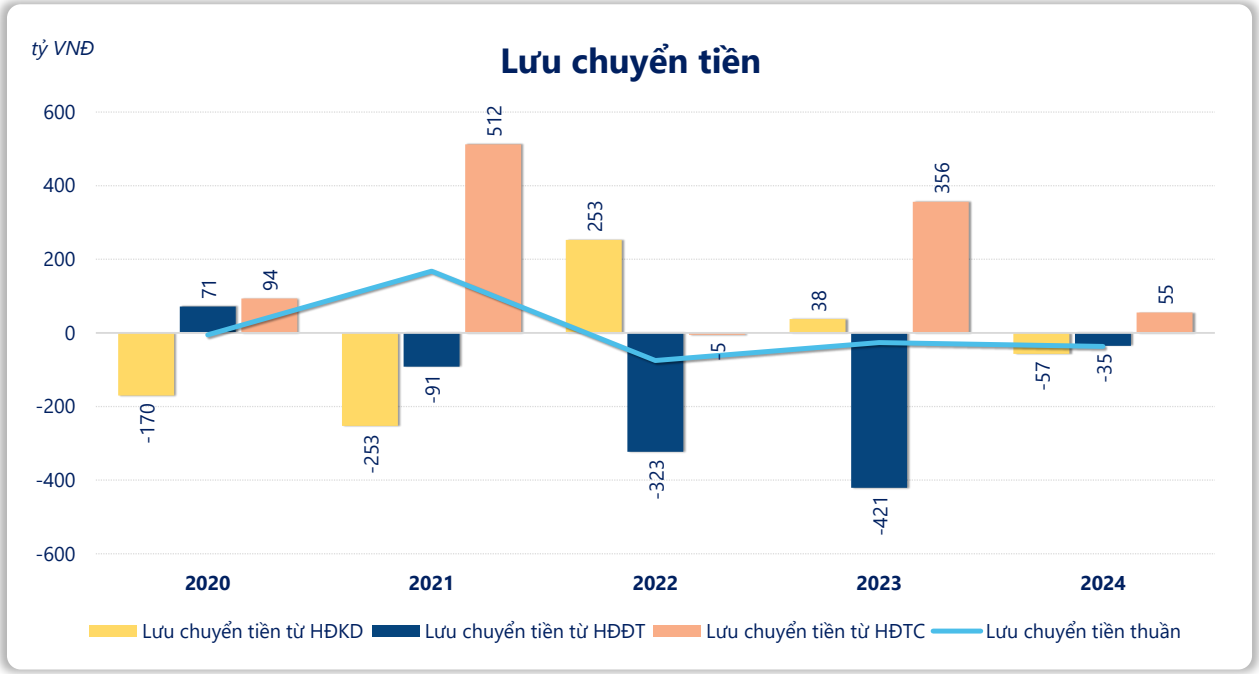
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **70.79** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **207.1** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **9.16** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TTF năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **3.70%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,214**	**1,607**	**2,001**	**1,560**	**1,224**
Giá vốn hàng bán	952	1,332	1,694	1,307	1,084
Lợi nhuận gộp	**261**	**275**	**308**	**253**	**140**
Doanh thu HĐTC	27.0	60.1	24.7	24.9	97.8
Chi phí TC	122	64.9	75.2	70.6	29.9
Chi phí lãi vay	**118**	**55.5**	**63.1**	**66.5**	**70.8**
LN trong công ty LKLD	-4.30	-1.79	-1.67	5.83	1.22
Chi phí bán hàng	97.2	148	157	124	119
Chi phí QLDN	95.5	140	117	130	87.9
LN thuần từ HĐKD	**-30.4**	**-20.1**	**-18.6**	**-41.4**	**2.49**
Lợi nhuận khác	46.9	21.8	18.6	-70.0	9.36
LN trước thuế	**16.5**	**1.69**	**-0.08**	**-111**	**11.9**
Lợi nhuận sau thuế	**18.1**	**2.51**	**-1.23**	**-144**	**11.4**
LNST của CĐ cty mẹ	**30.5**	**-8.67**	**3.40**	**-134**	**12.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TTF bằng **-37.01** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-26.36 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-56.95** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-35.31** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **55.25** tỷ đồng.